

BẢO ĐẢM THÔNG TIN TRONG VĂN BẢN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC: TỪ LÝ LUẬN ĐẾN THỰC TIỄN

VŨ THẾ HOÀI*
ĐẶNG THỊ THU PHƯƠNG**

Bài viết nghiên cứu vấn đề bảo đảm thông tin trong văn bản quản lý nhà nước, một yêu cầu cốt lõi cho hiệu lực, hiệu quả quản lý và niềm tin của xã hội đối với hệ thống cơ quan nhà nước. Bài viết làm rõ khung lý luận về các tiêu chí bảo đảm thông tin (tính chính xác, đầy đủ, kịp thời, nhất quán, minh bạch, truy xuất được); phân tích thực trạng áp dụng tại Việt Nam, chỉ ra những thành tựu, hạn chế và nguyên nhân. Từ đó, đề xuất một số giải pháp đồng bộ từ góc độ pháp lý, tổ chức và công nghệ nhằm nâng cao chất lượng thông tin trong hệ thống văn bản quản lý nhà nước, đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính và xây dựng chính phủ số, kinh tế số.

Từ khóa: Bảo đảm thông tin; văn bản quản lý nhà nước; chất lượng văn bản; minh bạch; cải cách hành chính.

The article examines the issue of ensuring the quality of information in state administrative documents, a fundamental requirement for effective and efficient management and for maintaining public trust in state institutions. It clarifies the theoretical framework of information assurance criteria, including accuracy, completeness, timeliness, consistency, transparency, and traceability. The article also analyzes the current situation in Vietnam, highlighting key achievements, limitations, and their underlying causes. Based on these findings, it proposes a number of integrated legal, organizational, and technological solutions to improve the quality of information in the system of state administrative documents, thereby meeting the requirements of administrative reform and the development of digital government and the digital economy.

Keywords: Information assurance; state administrative documents; document quality; transparency; administrative reform.

NGÀY NHẬN: 16/12/2025 NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 16/5/2026 NGÀY DUYỆT: 18/6/2026

DOI: <https://doi.org/10.59394/qlnn.365.2026.1531>

1. Đặt vấn đề

Văn bản quản lý nhà nước (QLNN) là công cụ chủ yếu để các cơ quan nhà nước thực hiện chức năng quản lý, điều hành xã hội theo pháp luật. Giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành của văn bản phụ thuộc trực tiếp vào

chất lượng thông tin chứa đựng trong đó. Trong bối cảnh chuyển đổi số mạnh mẽ và yêu cầu nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị

* TS, Trường Đại học Sài Gòn

** TS, Học viện Hành chính và Quản trị công

quốc gia, vấn đề bảo đảm thông tin trong văn bản QLNN trở thành một đòi hỏi cấp thiết cả về lý luận và thực tiễn.

Như vậy, “bảo đảm thông tin trong văn bản quản lý nhà nước” là một khái niệm có nội hàm hẹp và đặc thù hơn so với “bảo đảm thông tin trong quản lý công” hay “bảo đảm thông tin trong lĩnh vực công nghệ thông tin”. Trong khi bảo đảm thông tin trong công nghệ thông tin tập trung vào các giải pháp kỹ thuật để bảo vệ dữ liệu, hệ thống mạng và hạ tầng số thì bảo đảm thông tin trong văn bản QLNN hướng tới các tiêu chí về nội dung, hình thức, quy trình ban hành và sử dụng văn bản để bảo đảm giá trị pháp lý, tính khả thi và hiệu lực thi hành. Bài viết tiếp cận vấn đề từ góc độ khoa học hành chính và xây dựng pháp luật nhằm hệ thống hóa các yêu cầu lý luận về bảo đảm thông tin và đối chiếu, đánh giá sự vận dụng trong thực tiễn ban hành, quản lý văn bản QLNN ở Việt Nam hiện nay theo khuôn khổ pháp lý mới sau cải cách thể chế năm 2025.

2. Cơ sở lý luận về bảo đảm thông tin trong văn bản quản lý nhà nước

2.1. Khái niệm bảo đảm thông tin trong văn bản quản lý nhà nước

Văn bản QLNN là phương tiện chính thức để các cơ quan nhà nước thực thi quyền lực công, truyền đạt ý chí của Nhà nước tới các đối tượng quản lý. Do đó, thông tin trong văn bản QLNN là thông tin mang tính pháp lý, có giá trị bắt buộc thi hành hoặc định hướng hành vi xã hội. Bảo đảm thông tin trong văn bản QLNN là tổng thể các biện pháp pháp lý, tổ chức, nghiệp vụ và kỹ thuật do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền triển khai nhằm bảo đảm cho thông tin trong văn bản đáp ứng đầy đủ các tiêu chí: thông tin được cung cấp phải chính xác, đầy đủ; việc cung cấp thông tin phải đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật; đầy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, tăng cường cung cấp thông tin trên

môi trường số; bảo đảm việc cung cấp thông tin kịp thời, minh bạch, thuận lợi cho công dân (Điều 3 *Luật Tiếp cận thông tin* năm 2026). Mục đích cốt lõi của hoạt động này là kiến tạo cơ sở thông tin tin cậy phục vụ cho việc thực thi quyền lực nhà nước, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; đồng thời, củng cố niềm tin xã hội đối với hệ thống pháp luật và bộ máy nhà nước.

Bảo đảm thông tin trong QLNN là hệ thống các biện pháp pháp lý, kỹ thuật và tổ chức nhằm quản trị toàn diện vòng đời của thông tin hành chính từ khâu thu thập dữ liệu đầu vào, xử lý, soạn thảo, ban hành, lưu trữ đến phản hồi chính sách, duy trì sự cân bằng giữa yêu cầu bảo mật thông tin công vụ với quyền tiếp cận thông tin công khai của công dân nhằm tối ưu hóa tính chính danh, tính chính xác và hiệu lực thực thi của quyết định hành chính. Cần phân biệt rõ ba phạm trù có quan hệ gần gũi nhưng không đồng nhất. Cụ thể:

(1) Bảo đảm thông tin trong lĩnh vực công nghệ thông tin tập trung vào việc bảo vệ tính bảo mật, tính toàn vẹn và tính khả dụng của dữ liệu, hệ thống mạng và hạ tầng số trước các nguy cơ an ninh mạng. Đây là vấn đề thuộc phạm vi điều chỉnh của *Luật An ninh mạng* và pháp luật về an toàn thông tin mạng.

(2) Bảo đảm thông tin trong quản lý công là khái niệm rộng hơn, bao trùm toàn bộ hoạt động quản trị thông tin trong khu vực công, từ thông tin văn bản đến dữ liệu thống kê, thông tin truyền thông, dữ liệu chuyên ngành.

(3) Bảo đảm thông tin trong văn bản QLNN là phạm vi hẹp hơn, chỉ tập trung vào thông tin được chuyển tải trong văn bản QLNN, công cụ pháp lý chính thức của bộ máy nhà nước, gắn liền với các yêu cầu về kỹ thuật lập pháp, kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính và công tác văn thư, lưu trữ.

Do vậy, bảo đảm thông tin trong văn bản QLNN có nội hàm chuyên biệt, đặt trọng tâm vào chất lượng thông tin chứa đựng trong

văn bản, yếu tố quyết định trực tiếp đến giá trị pháp lý, hiệu lực thi hành và niềm tin xã hội đối với văn bản đó.

2.2. Đặc điểm của bảo đảm thông tin trong văn bản quản lý nhà nước

(1) *Tính pháp lý đặc thù.* Khác với các loại thông tin khác, thông tin trong văn bản QLNN có giá trị pháp lý bắt buộc thi hành đối với các đối tượng được điều chỉnh. Mọi sai sót về thông tin trong văn bản đều có thể gây ra hậu quả pháp lý, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. Do đó, các tiêu chí bảo đảm thông tin trong văn bản QLNN phải gắn liền với các nguyên tắc pháp quyền, được quy định cụ thể trong các văn bản quy phạm pháp luật.

(2) *Tính hệ thống và quy trình chặt chẽ.* Bảo đảm thông tin trong văn bản QLNN được thực hiện thông qua một quy trình khép kín từ khâu soạn thảo, lấy ý kiến, thẩm định, ban hành, công bố, lưu trữ đến tra cứu, sử dụng. Mỗi khâu trong quy trình đều có những yêu cầu riêng về thông tin và đều có chủ thể chịu trách nhiệm cụ thể.

(3) *Tính chuẩn mực về nội dung và hình thức.* Thông tin trong văn bản QLNN phải tuân thủ các chuẩn mực về kỹ thuật lập pháp, kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính, thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản. Đây là yêu cầu khác biệt cơ bản so với thông tin nói chung trong xã hội - nơi mà tính chuẩn mực hình thức không phải lúc nào cũng là yêu cầu bắt buộc.

(4) *Tính công khai và truy xuất được.* Trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, văn bản QLNN về cơ bản phải được công khai để Nhân dân biết, thực hiện và giám sát. Đồng thời, thông tin trong văn bản phải có khả năng truy xuất nguồn gốc, lưu vết toàn bộ quá trình ban hành, sửa đổi, bổ sung để phục vụ công tác kiểm tra, rà soát và xử lý văn bản trái pháp luật.

2.3. Yêu cầu đối với bảo đảm thông tin trong văn bản quản lý nhà nước

Thứ nhất, yêu cầu về tính chính xác. Thông tin trong văn bản phải phản ánh đúng thực tiễn khách quan, đúng pháp luật, đúng thẩm quyền. Tính chính xác bao gồm: chính xác về nội dung pháp lý (phù hợp với *Hiến pháp* và các văn bản quy phạm pháp luật cấp trên); chính xác về số liệu, dữ liệu (có nguồn dẫn rõ ràng, được kiểm chứng); chính xác về thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản (tuân thủ Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư).

Thứ hai, yêu cầu về tính đầy đủ và toàn diện. Thông tin trong văn bản phản ánh đầy đủ các nội dung cần điều chỉnh, không bỏ sót các vấn đề thiết yếu; phải bảo đảm tính toàn diện, đa chiều, không phiến diện; phải có khả năng dự liệu các tình huống thực tiễn có thể phát sinh để bảo đảm tính khả thi và bền vững.

Thứ ba, yêu cầu về tính kịp thời và cập nhật. Trong đó phải phản ánh đúng trạng thái thực tế tại thời điểm ban hành; phải được cập nhật kịp thời khi có thay đổi của thực tiễn hoặc của hệ thống pháp luật. Trong môi trường số, yêu cầu này đặc biệt quan trọng vì tốc độ biến đổi của thực tiễn xã hội ngày càng nhanh.

Thứ tư, yêu cầu về tính nhất quán và đồng bộ. Đó là phải nhất quán nội tại (không mâu thuẫn giữa các điều khoản trong cùng một văn bản); nhất quán hệ thống (phù hợp với hệ thống pháp luật, không chồng chéo với các văn bản khác); đồng bộ giữa các cấp, các ngành ban hành văn bản.

Thứ năm, yêu cầu về tính minh bạch và truy xuất nguồn gốc. Nghĩa là phải được công khai, dễ tiếp cận đối với các đối tượng có liên quan; phải có khả năng truy xuất nguồn gốc, lưu vết toàn bộ quá trình hình thành, sửa đổi, bổ sung. Đây là yêu cầu nền tảng cho công tác giám sát của Nhân dân và hoạt động phản biện xã hội đối với văn bản QLNN.

3. Thực trạng bảo đảm thông tin trong văn bản quản lý nhà nước

3.1. Những kết quả đạt được

Về khung pháp lý. Hệ thống pháp luật Việt Nam đã từng bước được xây dựng và hoàn thiện, tạo khuôn khổ pháp lý đầy đủ cho việc ban hành và quản lý văn bản QLNN. Nền tảng cao nhất được xác lập bởi *Hiến pháp* năm 2013, khẳng định nguyên tắc pháp quyền và yêu cầu về tính hợp hiến, hợp pháp trong hoạt động của bộ máy nhà nước. Đặc biệt, năm 2025 đánh dấu bước chuyển căn bản trong khuôn khổ pháp lý khi Quốc hội thông qua *Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật* số 87/2025/QH15 ngày 25/6/2025, sửa đổi, bổ sung một số điều của *Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật* số 64/2025/QH15 ngày 19/02/2025, thay thế *Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật* năm 2015. Trong đó, Điều 5 và Điều 6, *Luật* mới thiết lập các chuẩn mực quan trọng về nội dung và quy trình, quy định các nguyên tắc bảo đảm tính minh bạch, công khai, yêu cầu về tính khả thi, tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật; đồng thời, thiết lập một quy trình chặt chẽ từ soạn thảo, thẩm định, thẩm tra đến công bố, gắn với trách nhiệm cụ thể của các chủ thể.

Đối với văn bản hành chính, *Luật Tổ chức Chính phủ* năm 2025 và *Luật Tổ chức chính quyền địa phương* năm 2025 đã xác định lại thẩm quyền ban hành, hình thức và hiệu lực của các loại văn bản trong bối cảnh sắp xếp tổ chức bộ máy theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp. Các văn bản dưới luật đã cụ thể hóa sâu hơn các yêu cầu này, đáng chú ý là Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành *Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật* và Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP. Bên cạnh đó, Nghị định số

30/2020/NĐ-CP của Chính phủ về công tác văn thư, quy định chi tiết về thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản hành chính, góp phần chuẩn hóa hình thức, tạo tiền đề cho việc xử lý, lưu trữ và truy xuất thông tin một cách chính xác, thống nhất. Khuôn khổ pháp lý này thể hiện rõ tinh thần của Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Hội nghị Trung ương 6 (khóa XIII) về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới; đồng thời, gắn với Quy định số 178-QĐ/TW ngày 27/6/2024 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật. Như vậy, có thể thấy, khung pháp lý hiện hành đã hình thành một hệ thống quy phạm từ nguyên tắc chung đến quy định cụ thể, từng bước đặt ra các ràng buộc pháp lý về tính chính xác, tính minh bạch, tính hợp hiến, hợp pháp và tính hệ thống của thông tin trong văn bản QLNN.

Về tổ chức bộ máy. Việc hình thành và củng cố mạng lưới các bộ phận chuyên môn thực hiện chức năng thẩm định, kiểm tra và rà soát văn bản QLNN là một thành tựu nổi bật. Hệ thống tổ chức pháp chế đã được kiện toàn theo Nghị định số 55/2011/NĐ-CP của Chính phủ và đặc biệt là Nghị định số 56/2024/NĐ-CP ngày 18/5/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2011/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế. Theo đó, tại các bộ, cơ quan ngang bộ, vụ Pháp chế (hoặc đơn vị tương đương) được giao nhiệm vụ trọng tâm là thẩm định về mặt pháp lý đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật và nhiều văn bản hành chính quan trọng trước khi trình cấp có thẩm quyền ban hành. Ở cấp tỉnh, sở Tư pháp đóng vai trò tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp thẩm định và kiểm tra văn bản.

Cơ quan thanh tra các cấp được pháp luật giao trách nhiệm thanh tra, kiểm tra việc ban hành và thực hiện văn bản QLNN theo *Luật Thanh tra* năm 2025, trong đó đã hoàn thiện khái niệm “thanh tra” theo hướng không phân biệt thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành; chú trọng đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số trong hoạt động thanh tra. Bên cạnh hai lực lượng chính nêu trên, các đơn vị chuyên môn, văn phòng và bộ phận kiểm soát thủ tục hành chính trong nội bộ mỗi cơ quan cũng tham gia vào quá trình rà soát, góp ý về chuyên môn nghiệp vụ và tính khả thi của các quy định trong dự thảo văn bản.

Về ứng dụng công nghệ thông tin. Những năm qua, đã tạo ra bước chuyển biến rõ rệt trong công tác bảo đảm và nâng cao tính tiếp cận thông tin của văn bản QLNN. Trọng tâm là việc xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật, một kho lưu trữ số tập trung, thống nhất. Cơ sở dữ liệu này đã được mở rộng và hoàn thiện liên tục, công khai trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ và Cổng Dịch vụ công quốc gia hàng trăm nghìn văn bản quy phạm pháp luật cùng nhiều văn bản chỉ đạo điều hành, cho phép người dân và doanh nghiệp tra cứu miễn phí. Các bộ, ngành và địa phương đã cơ bản triển khai cổng thông tin điện tử và hệ thống quản lý văn bản điều hành. Các hệ thống này được số hóa quy trình nội bộ (soạn thảo, ký duyệt, lưu trữ) tự động công khai văn bản, biến cổng thông tin thành kênh chính thống, nhanh chóng và minh bạch.

Về nguồn nhân lực. Đội ngũ cán bộ trực tiếp soạn thảo, thẩm định và quản lý văn bản là yếu tố then chốt quyết định chất lượng thông tin đầu ra. Do đó, công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ về soạn thảo văn bản và pháp chế đã được các bộ, ngành, địa phương quan tâm hơn thông qua nhiều khóa tập huấn, hội nghị chuyên đề. Đặc biệt, sau khi *Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật*

năm 2025 có hiệu lực, công tác bồi dưỡng đã được đẩy mạnh nhằm cập nhật những điểm mới về quy trình lập pháp, kỹ thuật soạn thảo và yêu cầu chuyển đổi số trong xây dựng pháp luật.

3.2. Những hạn chế, thách thức

Một là, về thể chế và quy trình. Dù *Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật* năm 2025 và Nghị định số 78/2025/NĐ-CP, Nghị định số 187/2025/NĐ-CP đã có nhiều cải tiến quan trọng, nhưng quá trình triển khai vẫn cần thời gian để các cơ quan, đơn vị thích ứng. Quy trình thẩm định, kiểm tra văn bản chưa thực sự được số hóa triệt để và bắt buộc; việc rà soát tính nhất quán với hệ thống pháp luật chủ yếu vẫn dựa vào kinh nghiệm và nỗ lực cá nhân của cán bộ pháp chế, thiếu sự hỗ trợ của công cụ tự động hóa. Hệ quả là tình trạng văn bản trái pháp luật, chồng chéo vẫn phát sinh; quy trình lấy ý kiến đối tượng chịu tác động nhiều khi còn hình thức, thiếu cơ chế tổng hợp và phản biện khoa học, dẫn đến thông tin trong văn bản thiếu tính khả thi.

Hai là, hạn chế về năng lực và nhận thức của đội ngũ cán bộ trực tiếp soạn thảo, thẩm định là nguyên nhân căn bản. Số lượng cán bộ chuyên trách được đào tạo bài bản về kỹ thuật lập pháp, phân tích chính sách và bảo đảm chất lượng thông tin còn hạn chế, nhất là ở cấp cơ sở. Sau khi sắp xếp đơn vị hành chính theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp, đội ngũ cán bộ cấp xã chịu nhiều áp lực do khối lượng công việc tăng lên đáng kể nhưng nguồn nhân lực có chuyên môn sâu về soạn thảo văn bản còn mỏng. Nhiều cán bộ kiêm nhiệm, thiếu kỹ năng thu thập, xử lý và kiểm chứng thông tin; nhận thức về tầm quan trọng của các tiêu chí, như: tính truy xuất nguồn gốc, tính đầy đủ chưa cao. Hậu quả là nhiều văn bản còn chung chung, thiếu quy định cụ thể; số liệu đưa ra không được dẫn nguồn minh bạch; ngôn ngữ pháp lý thiếu chính xác, dễ gây hiểu nhầm.

Ba là, việc ứng dụng công nghệ số phục vụ bảo đảm thông tin còn manh mún, thiếu đồng bộ. Giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật và các hệ thống quản lý văn bản điều hành ở các bộ, ngành, địa phương vẫn thiếu sự kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu. Dữ liệu văn bản tại nhiều địa phương, bộ ngành chưa được cập nhật đầy đủ, kịp thời lên cơ sở dữ liệu dùng chung. Các công cụ hỗ trợ soạn thảo thông minh có khả năng cảnh báo xung đột pháp luật hầu như chưa được nghiên cứu, phát triển và triển khai rộng rãi. Việc số hóa mới dừng lại ở khâu lưu trữ và công bố, chưa thực sự thấm thấu vào quy trình kiểm soát chất lượng nội bộ.

Bốn là, cơ chế giám sát, phản hồi và xử lý các vấn đề về chất lượng thông tin còn yếu, thiếu tính răn đe. Hoạt động giám sát của các cơ quan dân cử, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam mặc dù đã được luật định nhưng chưa thường xuyên và chuyên sâu vào chất lượng thông tin kỹ thuật của văn bản. Cơ chế tiếp nhận phản ánh của người dân, doanh nghiệp về các bất cập trong văn bản chưa thực sự thuận tiện và hiệu quả; nhiều khi phản ánh không được giải quyết thỏa đáng hoặc bị chậm trễ. Việc xử lý trách nhiệm cá nhân, tập thể để xảy ra sai sót nghiêm trọng về thông tin dẫn đến ban hành văn bản trái pháp luật còn ít và chưa đủ sức răn đe.

4. Một số giải pháp

Thứ nhất, hoàn thiện thể chế, quy trình theo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025. Trong bối cảnh khung pháp lý cơ bản đã được đổi mới, vấn đề trọng tâm hiện nay là tổ chức thực hiện hiệu quả các quy định mới. Vì vậy, cần ban hành đầy đủ, kịp thời các văn bản hướng dẫn chi tiết Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025; thể chế hóa một “quy trình số” khép kín với trách nhiệm được xác định rõ ràng tại từng khâu. Ở khâu soạn thảo, người soạn thảo phải có trách nhiệm sử dụng và xác nhận kết quả từ công cụ kiểm tra tự động và việc đối chiếu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về

pháp luật. Ở khâu thẩm định, đơn vị chức năng có trách nhiệm phê duyệt hoặc yêu cầu chỉnh sửa thông qua hệ thống quản lý điện tử, với ý kiến được ghi nhận minh bạch. Ở khâu ban hành, người ký ban hành chịu trách nhiệm cuối cùng, hệ thống tự động thực hiện việc công bố theo định dạng dữ liệu mở. Ở khâu kiểm tra, rà soát, cần giao cho một đầu mối chịu trách nhiệm sử dụng công cụ số để đánh giá định kỳ và báo cáo.

Thứ hai, nâng cao năng lực và đạo đức công vụ của đội ngũ cán bộ. Theo đó, cần thiết kế các chương trình đào tạo, bồi dưỡng thực tế và chuyên sâu, không chỉ về kỹ thuật soạn thảo mà còn về tư duy pháp lý số và nhận thức sâu sắc các tiêu chí bảo đảm thông tin. Đào tạo phải gắn với thực hành trên nền tảng số, sử dụng thành thạo các công cụ hỗ trợ và Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật. Đồng thời, xây dựng văn hóa chất lượng thông qua cơ chế đánh giá, ghi nhận và khen thưởng dựa trên kết quả cụ thể về độ chính xác, sự tuân thủ quy trình số. Đặc biệt, sau khi triển khai mô hình chính quyền địa phương hai cấp, cần ưu tiên tăng cường năng lực cho đội ngũ cán bộ cấp xã, nơi trực tiếp tiếp xúc và phục vụ Nhân dân và thực sự phải là cấp ban hành nhiều văn bản hành chính tác động trực tiếp đến đời sống xã hội.

Thứ ba, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong quy trình quản lý văn bản. Cần đầu tư hoàn thiện và kết nối liên thông Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật và văn bản QLNN thành một nền tảng thống nhất, bảo đảm cập nhật, đồng bộ và cho phép truy vấn, đối chiếu xuyên suốt từ trung ương đến địa phương. Cần phát triển và nhân rộng các công cụ hỗ trợ soạn thảo thông minh được tích hợp trực tiếp vào quy trình, có khả năng tự động kiểm tra tính nhất quán nội tại, đối chiếu xung đột với hệ thống pháp luật từ Cơ sở dữ liệu quốc gia, đề xuất trích dẫn chính xác và cảnh báo các lỗi về thể thức, số liệu. Đồng thời, phải số hóa toàn diện quy trình quản lý văn bản trên một nền tảng tập trung, từ tiếp nhận ý kiến, phê duyệt,

ban hành đến lưu trữ. Mọi thao tác, chỉnh sửa, ý kiến đều được ghi nhận, lưu vết và mã hóa, bảo đảm khả năng truy xuất nguồn gốc đầy đủ, minh bạch.

Thứ tư, tăng cường giám sát, kiểm tra và phản hồi xã hội. Cần thể chế hóa và đa dạng hóa các kênh giám sát, không chỉ dừng ở hoạt động của các cơ quan dân cử mà còn chủ động phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các hiệp hội nghề nghiệp, doanh nghiệp và truyền thông thông qua các diễn đàn, hội nghị phản biện xã hội được tổ chức bài bản. Xây dựng một cơ chế tiếp nhận và xử lý phản ánh trực tuyến tập trung, minh bạch trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc cổng thông tin của cơ quan, nơi mọi cá nhân, tổ chức có thể dễ dàng chỉ ra các điểm không chính xác, mâu thuẫn, bất cập trong văn bản QLNN, với trách nhiệm phản hồi, giải trình công khai của cơ quan chủ quản trong một thời hạn luật định. Bên cạnh đó, cần tăng cường vai trò của hoạt động thanh tra theo *Luật Thanh tra* năm 2025 trong việc phát hiện, xử lý các văn bản trái pháp luật và các sai phạm về thông tin trong văn bản.

Thứ năm, gắn bảo đảm thông tin trong văn bản QLNN với thực hiện Quy định số 178-QĐ/TW của Bộ Chính trị. Việc kiểm soát quyền lực trong xây dựng pháp luật phải được lượng hóa qua các tiêu chí cụ thể: minh bạch quy trình, công khai dự thảo, lưu vết ý kiến góp ý, lưu vết ý kiến tiếp thu, giải trình. Đây là điều kiện tiên quyết để loại bỏ tình trạng “cài cắm” lợi ích cục bộ vào văn bản, một trong những nguyên nhân làm suy giảm chất lượng thông tin và niềm tin xã hội đối với văn bản quản lý nhà nước.

5. Kết luận

Bảo đảm thông tin trong văn bản QLNN là một yêu cầu khách quan, là thước đo quan trọng của năng lực quản trị và mức độ hiện đại hoá nền hành chính. Cần phân biệt rõ phạm trù này với bảo đảm thông tin trong công nghệ thông tin hay quản lý công nói

chung để có cách tiếp cận đúng và giải pháp phù hợp. Từ lý luận đến thực tiễn ở Việt Nam vẫn còn một khoảng cách đáng kể, đòi hỏi cần tiếp tục đổi mới đồng bộ về thể chế, tổ chức bộ máy, năng lực cán bộ và ứng dụng công nghệ. Trong bối cảnh *Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật* năm 2025, *Luật Tổ chức Chính phủ* năm 2025, *Luật Tổ chức chính quyền địa phương* năm 2025 và *Luật Thanh tra* năm 2025 đã có hiệu lực, cùng với mô hình chính quyền địa phương hai cấp được triển khai trên cả nước, đây là thời điểm thuận lợi để tổ chức thực hiện hiệu quả các giải pháp đồng bộ nhằm nâng cao chất lượng bảo đảm thông tin trong văn bản QLNN. Chỉ khi thông tin trong văn bản QLNN thực sự được bảo đảm về chất lượng thì hiệu lực, hiệu quả QLNN mới được nâng cao, góp phần củng cố niềm tin của Nhân dân và doanh nghiệp vào bộ máy nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam □

Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Chính trị (2024). *Quy định số 178-QĐ/TW ngày 27/6/2024 về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật*.
2. Bộ Tư pháp (2025). *Báo cáo tổng kết công tác tư pháp năm 2024 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2025*.
3. Chính phủ (2020). *Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 về công tác văn thư*.
4. Chính phủ (2024). *Nghị định số 56/2024/NĐ-CP ngày 18/5/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2011/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế*.
5. Chính phủ (2025). *Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật*.
6. Quốc hội (2025). *Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật* năm 2025.
7. Quốc hội (2025). *Luật Tổ chức Chính phủ* năm 2025.
8. Quốc hội (2026). *Luật Tiếp cận thông tin* năm 2026.
9. Quốc hội (2025). *Luật Thanh tra* năm 2025.